

CHÍNH PHỦ

NGHỊ QUYẾT số 07/2003/NQ-CP ngày 30/5/2003 phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2003.

Trong 2 ngày 28, 29 tháng 5 năm 2003, Chính phủ họp phiên thường kỳ tháng 5, thảo luận và quyết nghị các vấn đề sau đây:

1. Chính phủ đã nghe Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban thường trực Ban chỉ đạo nghiên cứu cải cách chính sách tiền lương nhà nước trình dự thảo Đề án “Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công”.

Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp người có công là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, có tác động lớn đến mọi tầng lớp dân cư trong xã hội, là vấn đề kinh tế - xã hội rộng lớn, rất khó khăn, phức tạp và nhạy cảm. Vì vậy, cần gắn chính sách này với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chính sách tiền lương mới phải phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm các cân đối kinh tế vĩ mô; có bước đi thích hợp và đồng bộ với các chính sách xã hội có liên quan nhằm thực hiện tốt hơn công bằng xã hội; bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động và theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Cải cách tiền lương phải phù hợp với mức tăng năng suất lao động và tăng thu nhập trong xã hội. Cần tách rõ chính sách tiền lương với chính sách bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công; từng bước tách rõ khu vực hành chính với khu vực sự nghiệp và dịch vụ công, bảo đảm đầu tư phát triển.

Chính phủ nhất trí về cơ bản với Đề án do Ban chỉ đạo trình. Giao Ban chỉ đạo nghiên cứu cải cách chính sách tiền lương nhà nước chủ trì, phối

hợp với các Bộ, cơ quan, đoàn thể có liên quan, tiếp thu ý kiến các thành viên Chính phủ và các đại biểu dự họp, trên cơ sở Kết luận của Bộ Chính trị, tiếp tục hoàn chỉnh Đề án, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trình Bộ Chính trị và Ban chấp hành Trung ương.

2. Chính phủ đã nghe Bộ trưởng Bộ Nội vụ đọc Tờ trình về Nghị quyết sửa đổi, bổ sung và tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Chính phủ về tinh giản biên chế trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

Chính phủ tán thành với những nội dung sửa đổi, bổ sung và giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung và tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP về tinh giản biên chế trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành.

3. Chính phủ nghe Bộ trưởng Bộ Tài chính đọc Tờ trình về dự án Luật Thuế sử dụng đất; nghe Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ báo cáo tổng hợp ý kiến các thành viên Chính phủ về dự án Luật.

Thuế sử dụng đất hiện nay đang được thực hiện theo Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp (năm 1993) và Pháp lệnh Thuế nhà, đất (năm 1992) đã có tác động đáng kể và đang là nguồn thu rất quan trọng trong cân đối ngân sách của nhiều địa phương, đáp ứng kịp thời nhu cầu chi thường xuyên và chi phát triển cơ sở hạ tầng, góp phần quản lý đất đai tốt hơn. Việc miễn, giảm thuế nông nghiệp trong hạn mức giao đất đã góp phần giải quyết khó khăn của nông dân, khuyến khích sản xuất phát triển. Tuy nhiên, quá trình thực hiện đã bộc lộ một số nhược điểm như: việc tính thuế bằng hiện vật không còn phù hợp với nền kinh tế thị trường, chưa tương xứng với sự gia tăng của giá đất hiện nay; mức thu thuế còn phân biệt giữa các loại đất nên chưa thực sự khuyến khích người dân chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông

nghiệp, nông thôn; việc phân hạng đất để tính thuế còn phức tạp....

Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan, tiếp thu ý kiến các thành viên Chính phủ và các đại biểu dự họp, tiếp tục hoàn chỉnh dự án luật, trình Chính phủ xem xét trong một phiên họp khác.

4. Chính phủ đã nghe Bộ trưởng Bộ Tài chính đọc Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; nghe Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ báo cáo tổng hợp ý kiến thành viên Chính phủ về dự thảo Nghị định.

Chính phủ nhất trí thông qua và giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan, tiếp thu ý kiến các thành viên Chính phủ, hoàn chỉnh dự thảo Nghị định này, trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành.

5. Chính phủ nghe Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đọc Tờ trình về dự án Luật Giao thông đường thủy nội địa; nghe Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ báo cáo tổng hợp ý kiến các thành viên Chính phủ về dự án Luật.

Đất nước ta có mạng lưới giao thông đường thủy nội địa thuận lợi cho phát triển vận tải đường thủy, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động giao thông đường thủy nội địa nhưng chưa theo kịp tốc độ phát triển nhanh chóng của lĩnh vực hoạt động này; tình hình trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa còn nhiều vấn đề bức xúc. Hệ thống văn bản pháp luật giao thông đường thủy nội địa thiếu đồng bộ, hiệu lực thấp, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước chuyên ngành; trách nhiệm quản lý nhà nước giữa các ngành và địa phương về hoạt động giao thông đường thủy chưa được phân định rõ ràng... Vì

vậy, cần thiết phải có một văn bản luật điều chỉnh các quan hệ trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, tạo cơ sở pháp lý cho việc củng cố tổ chức và hoạt động của loại hình vận tải này để khai thác tốt tiềm năng, phát triển giao thông vận tải và bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa.

Giao Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan, tiếp thu ý kiến các thành viên Chính phủ, tiếp tục hoàn chỉnh dự án Luật Giao thông đường thủy nội địa, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc trình Ủy ban thường vụ Quốc hội

6. Chính phủ nghe Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đọc Tờ trình về dự án Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Đê điều.

Pháp lệnh Đê điều được ban hành ngày 26 tháng 8 năm 2000, qua quá trình thực hiện đã phát huy tác dụng, song cũng bộc lộ những bất cập cần được sửa đổi, bổ sung trong việc quản lý các công trình, nhà cửa trong phạm vi bảo vệ đê điều, ở bãi sông, lòng sông; bảo đảm thoát lũ, an toàn đê điều, phù hợp với thực tế đời sống nhân dân và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là ở thủ đô Hà Nội và một số đô thị khác.

Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tiếp thu ý kiến các thành viên Chính phủ, tổ chức khảo sát thực tế, hoàn chỉnh Tờ trình và nội dung dự án Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Đê điều; giao Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

7. Chính phủ đã nghe Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc trình bày dự thảo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về công tác dân tộc trong tình hình mới.

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: 848-3845 6684

Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) đã ban hành Nghị quyết số 24/NQ-TW về công tác dân tộc trong tình hình mới. Thực hiện Nghị quyết của Trung ương, Chính phủ xây dựng Chương trình hành động, cụ thể hóa các nhiệm vụ đã nêu trong Nghị quyết thành các cơ chế chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án với bước đi phù hợp, phân công trách nhiệm rõ ràng cho các cơ quan của Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tập trung vào phát triển sản xuất, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào các dân tộc thiểu số; quan tâm đầu tư cho lĩnh vực văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường; củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở; giữ vững an ninh quốc phòng, bảo đảm ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội vùng dân tộc và miền núi; đổi mới công tác dân tộc....

Giao Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan, tiếp thu ý kiến các thành viên Chính phủ và các đại biểu dự họp, hoàn chỉnh dự thảo Chương trình hành động, trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc chủ trì tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc, báo cáo Chính phủ; đồng thời đề xuất các công việc cấp bách cần tiến hành từ nay đến năm 2005. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Chương trình hành động của Chính phủ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của mình, xây dựng Chương trình hành động của cấp mình và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ về công tác dân tộc.

8. Chính phủ đã nghe Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2003.

Trong những tháng đầu năm, đất nước ta phải đương đầu với một số khó khăn rất lớn: hạn hán nặng nề ở miền Trung và Tây Nguyên, giá một

số nguyên liệu đầu vào tăng cao, cuộc chiến tranh I-rắc có những tác động bất lợi đến nền kinh tế; nạn dịch viêm đường hô hấp cấp (SARS) trên thế giới ảnh hưởng xấu đến các ngành dịch vụ, nhất là du lịch, vận tải hàng không, khách sạn....

Tuy vậy, nhìn chung nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, sản xuất công nghiệp vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng khá; sản xuất nông nghiệp đã tập trung khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu sản xuất; xuất khẩu tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao; nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, nhất là nguồn vốn của dân cư được huy động khá; thu ngân sách nhà nước tiếp tục tăng cao. Các hoạt động văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, nhất là việc khống chế và kiểm soát được bệnh SARS, phát hành công trình giáo dục, bước đầu lập lại trật tự an toàn giao thông....

Trong những tháng tiếp theo, các Bộ, ngành địa phương và cơ sở cần tập trung thực hiện tốt hơn nữa Nghị quyết số 02/2003/NQ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về một số chủ trương, giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2003, tạo chuyển biến rõ nét trong chỉ đạo điều hành: Phấn đấu giảm chi phí sản xuất; thực hiện tốt các giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu và giảm nhập siêu; huy động thêm các nguồn vốn để đầu tư phát triển, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng; đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa và sắp xếp doanh nghiệp nhà nước; chủ động triển khai kế hoạch phòng chống lụt bão; kiểm tra chặt chẽ các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, chống thất thoát, lãng phí; chấn chỉnh việc khai thác rừng bừa bãi. Tập trung phòng ngừa, ngăn chặn việc tái nhiễm dịch bệnh SARS; tổ chức tốt kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng; chỉ đạo kiên quyết và liên tục nhiệm vụ phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; giữ vững kỷ cương, trật tự an toàn giao thông; quan tâm giải quyết khiếu nại, tố cáo; tập trung nỗ lực

để chuẩn bị tổ chức thành công SEAGAMES 22 vào cuối năm nay./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

THƯƠNG MẠI - KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ -
CÔNG NGHIỆP

**THÔNG TƯ liên tịch số 02/2003/
TTLT-BTM-KHĐT-CN ngày
27/5/2003 hướng dẫn việc giao
và thực hiện hạn ngạch hàng dệt
may xuất khẩu vào thị trường
Hoa Kỳ năm 2003.**

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 669/CP-KTTH ngày 21/5/2003 của Chính phủ về triển khai Hiệp định Dệt may Việt Nam - Hoa Kỳ;

Căn cứ Hiệp định buôn bán hàng dệt may Việt Nam - Hoa Kỳ và việc thực hiện xuất khẩu trong năm 2003, 3 tháng đầu năm 2003 của các thương nhân;

Căn cứ năng lực sản xuất và xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường Hoa Kỳ của thương nhân;

Liên Bộ Thương mại - Kế hoạch và Đầu tư -

Công nghiệp hướng dẫn việc giao và thực hiện hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ năm 2003 như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng hạn ngạch

Hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ có 38 chủng loại mặt hàng (gồm 13 Cat. đôi và 12 Cat. đơn) được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư liên tịch này.

2. Đối tượng thực hiện: Thương nhân sản xuất hàng dệt may thuộc mọi thành phần kinh tế có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đã đăng ký mã số kinh doanh xuất nhập khẩu hoặc có Giấy phép đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đã xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ năm 2002, 3 tháng đầu năm 2003 và hoặc có năng lực sản xuất và xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ.

II. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HẠN NGẠCH

1. Phân giao hạn ngạch.

1.1. Căn cứ để phân giao hạn ngạch

- Kết quả xuất khẩu năm 2002, 3 tháng đầu năm 2003 và năng lực sản xuất, năng lực xuất khẩu (số lượng công nhân, thiết bị, hợp đồng...) trên cơ sở báo cáo của thương nhân. Trường hợp xét thấy báo cáo không chính xác, Tổ giám sát liên ngành sẽ thực hiện hậu kiểm.

- Hợp đồng xuất khẩu sản phẩm may mặc sử dụng vải sản xuất trong nước.

- Thương nhân thuộc vùng kinh tế khó khăn có hợp đồng sản xuất, gia công hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

1.2. Việc phân giao hạn ngạch: Việc phân giao hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu sang thị